

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN ĐH**  
**TỈNH BẠC LIÊU**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/02/2022

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tất Liệt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Cao Thị Lệ Pha - Ông Nguyễn Văn Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-HN ngày 13 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị C1, sinh năm 1979 (có đơn vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp MThA, xã APh, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Anh Lê Tấn C, sinh năm 1978 (có đơn vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp MThA, xã APh, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Cao Thị C1 và anh Lê Tấn C cùng thống nhất xác định:* Anh và chị chung sống vào đầu năm 2000, không đăng ký kết theo quy định của pháp luật, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện.

Nguyên nhân ly hôn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cãi và xích mích dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn, cả hai người không giúp đỡ nhau để cùng tiến bộ, mỗi người sống mỗi nơi, anh Lê Tấn C về sinh sống với cha mẹ ruột, còn chị Cao Thị C1 thì sống ở ấp MThA, xã APh, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu, không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C1 yêu cầu ly hôn, anh C cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên: Lê Tấn K, sinh ngày 13/7/2000 và Lê Thị Mộng Kh, sinh ngày 16/6/2003, hiện nay hai người con đã thành niên, các con có khả năng tự nuôi sống bản thân, nên không đặt ra yêu cầu về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung chị Cao Thị C1 và anh Lê Tấn C không yêu cầu xem xét giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:*

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 15, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị C1 và anh Lê Tấn C.

Về con chung: Các con của chị Cao Thị C1 và anh Lê Tấn C đã thành niên nên không đặt ra xem xét về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị C1 và anh Lê Tấn C không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Cao Thị C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH. Chị Cao Thị C1 và anh Lê Tấn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Cao Thị C1 và anh Lê Tấn C xác định và thống nhất với nhau về điều kiện và hoàn cảnh kết hôn, về con, về tài sản và nợ không tranh chấp và không yêu cầu, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử công nhận là sự thật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị C1 và anh Lê Tấn C chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và

gia đình, căn cứ vào Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị C1 và anh Lê Tấn C.

Về quan hệ con chung: Lê Tấn K, sinh ngày 13/7/2000 và Lê Thị Mộng Kh, sinh ngày 16/6/2003, hiện nay hai người con đã thành niên, các con có khả năng tự nuôi sống bản thân, nên không đặt ra xem xét về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị C1 và anh Lê Tấn C không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH chị Cao Thị C1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 15, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị C1 và anh Lê Tấn C.

[3] Về con chung: Lê Tấn K, sinh ngày 13/7/2000 và Lê Thị Mộng Kh, sinh ngày 16/6/2003, đã thành niên, các con có khả năng tự nuôi sống bản thân, nên không đặt ra xem xét về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị C1 và anh Lê Tấn C không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Cao Thị C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, chị Cao Thị C1 đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002006 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tất Liệt**

